TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tạ Huyền Thanh;

Ông Nguyễn Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn Ng, sinh năm 1970 (xin vắng mặt).
- Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn ông Châu Văn Ng trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết khoảng 01 tháng thì ông Ng kết hôn cùng với bà H vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có làm lễ tuyên bố và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2004. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H chơi đánh bài, ông Ng khuyên không nghe nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn,

đời sống chung không đạt được hạnh phúc và cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên ông Châu Văn Ng xin được ly hôn với bà Phạm Thị H.

- Về con chung: Có 03 người con tên: Châu Văn S, sinh năm 2000 (nam); Châu Văn Tr, sinh năm 2001 (nam) và Châu Thị U, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2009 (nữ) hiện 03 người con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn 02 người con tên S và Tr đã lớn, có công việc ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng con tên U thì sống chung với bà H từ khi ông Ng và bà H sống ly thân cho đến nay, cho nên ông Ng đồng ý giao con tên Châu Thị U cho bà H nuôi dưỡng và chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn bà Phạm Thị H:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà bà H không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Ng. Đồng thời, Tòa án tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng bà H vẫn không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Châu Văn Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn bà Phạm Thị H Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với bà H, nhưng bà H vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị H.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Ông Ng kết hôn cùng với bà H vào năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có làm lễ tuyên bố và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2004 theo giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 27 tháng 7 năm 2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông Ng và bà H được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, ông Ng xin ly hôn với bà H là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H chơi đánh bài, ông Ng

khuyên không nghe nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Về phía bà H đã được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bà H vẫn vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến gì của mình về yêu cầu xin ly hôn của ông Ng, từ đó cho thấy bà H cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa bà H với ông Ng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Ng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ng. Ông Ng được ly hôn với bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Ông Ng xác định có 03 người con tên: Châu Văn S, sinh năm 2000 (nam); Châu Văn Tr, sinh năm 2001 (nam) và Châu Thị U, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2009 (nữ) hiện 03 người con đang sống chung với bà H. Khi ly hôn 02 người con tên S và Tr đã lớn, có công việc ổn định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, riêng con tên U thì sống chung với bà H từ khi ông Ng và bà H sống ly thân cho đến nay, cho nên ông Ng đồng ý giao con tên Châu Thị U cho bà H nuôi dưỡng và chăm sóc. Xét thấy, từ khi bà H và ông Ng sống ly thân cho đến nay thì cháu U vẫn sống chung với bà H và cuộc sống của cháu đã được ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ng, giao con tên Châu Thị U, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2009 (nữ) cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên ông Ng phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Châu Văn Ng. Ông Châu Văn Ng được ly hôn với bà Phạm Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Phạm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 01 con tên Châu Thị U, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2009 (nữ).

Ông Ng không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, ông Ng phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, ông Ng có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015369 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Tam Giang Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo